

Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Nho học thời hội nhập

PGS.TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

N hệ thống di tích Nho học ở nước ta bao gồm những nơi dạy học, thi cử như: Quốc Tử Giám- nhà Thái học, nơi yết bảng vàng ở kinh đô, trường học và những nơi thi cử (thi hương) ở các phủ, châu, huyện thời Lê, dinh trấn, tỉnh, thành thời Nguyễn...); Những nơi thờ tự như các văn miếu ở kinh đô và địa phương thờ Khổng Tử và các bậc hiền triết Nho gia người Trung Quốc; văn chỉ, từ chỉ, từ vựng, nghè... ở huyện, xã vừa tôn vinh Nho học vừa đề cao sĩ tử người địa phương.Thêm vào đó là những đền miếu thờ các nhà Nho người Việt như: Chu Văn An, Nguyễn Thị Duệ, Nguyễn Đình Chiểu.v.v.

Các kiến trúc Nho học ở nước ta ra đời do sự du nhập ảnh hưởng của Nho giáo từ Trung Quốc. Với hệ thống giáo lý chặt chẽ, những tư tưởng đạo đức phù hợp với quan niệm của một số dân tộc Đông Á thời cổ trung đại, Nho giáo đã nhanh chóng có chỗ đứng ở những nước ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Trung Hoa như: Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam. Khi Nho giáo chiếm được địa vị trong cuộc sống, việc học Nho và dùng chữ Nho trong quá trình dạy và học, kéo theo việc tôn thờ Nho học và ông tổ của Nho gia là Khổng Tử (551- 479 TCN). Ở

Trung Quốc người ta thờ Khổng Tử ngay từ sau khi ông mất ở tại ấp Trâu, làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông. Sau này còn có Khổng miếu tại một số nơi khác như: Bắc Kinh, Thượng Hải, Vân Nam...

Một số nước có ảnh hưởng Nho giáo như Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam cũng xây dựng miếu thờ Khổng Tử nhằm tôn vinh ông và nền Nho học do ông sáng lập.

Ở nước ta, Nho giáo được đưa vào từ rất sớm, thông qua các quan lại Trung Quốc từ thời kỳ Bắc thuộc. Viên thái thú Sĩ Nhiếp thời nhà Hán được coi là người đầu tiên truyền dạy chữ Hán vào nước ta, sau khi ông chết được lập đền thờ tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh (khu vực thành Luy Lâu), có tấm biển đề trước cửa vĩnh suy tôn là: "Nam Giao học tổ". Tuy nhiên việc xây dựng Quốc tử giám và văn miếu tại kinh đô Thăng Long đến tận thế kỷ XI vào thời Lý mới được ghi chép. Thời kỳ Lý - Trần cũng chỉ có văn miếu ở kinh đô Thăng long, đến thế kỷ 15 bắt đầu xuất hiện văn miếu ở các địa phương. Cùng với sự phát triển đất nước, thời Nguyễn mới thực sự là thời kỳ cực thịnh của loại hình văn miếu. Trong giai đoạn này, cùng với sự ra đời của văn miếu tại kinh đô Huế, các tỉnh thành, dinh, trấn cũng đều được nhà nước cho xây dựng văn miếu.

* PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

Tuy việc xây dựng miếu thờ Khổng Tử cách nay đã ngót ngàn năm, nhưng thư tịch ở nước ta còn lại đến ngày nay phản ánh về việc thờ phụng này rất ít. Qua đôi dòng ghi chép tản漫 của sách *Đại việt sử ký toàn thư* và một vài chuyên khảo của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... chúng ta biết ở nước ta từ thời Lý bắt đầu có việc xây dựng văn miếu. Không giống như các loại hình di tích khác, việc xây dựng văn miếu ở kinh đô và các tỉnh thành đều do triều đình quy định. Cụ thể là vào năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho xây dựng văn miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phổi, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế, cho Hoàng thái tử

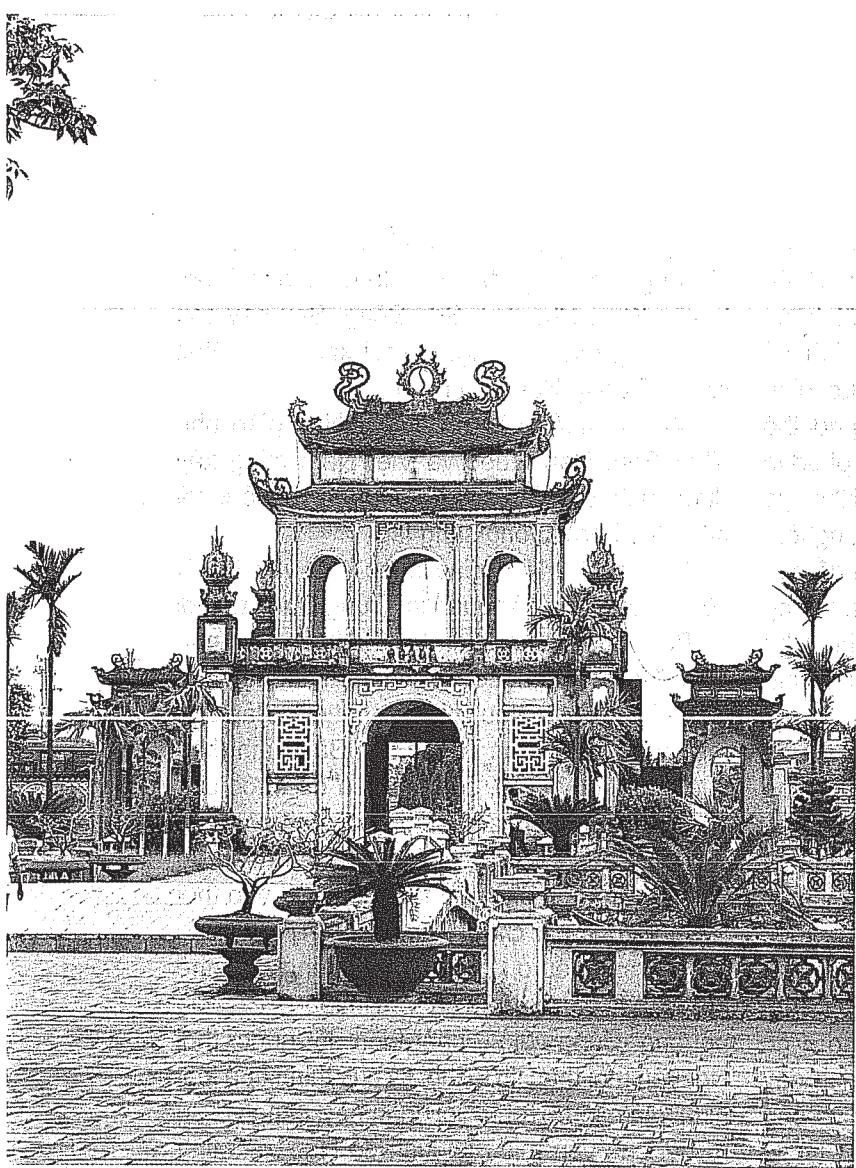
đến học tại văn miếu¹. Đến năm 1156, vua Lý Anh Tông theo lời của Tô Hiến Thành cho dựng miếu thờ riêng Khổng Tử ở phía Nam thành Thăng Long². Năm 1171 cho sửa lại miếu này³.

Bên cạnh việc xây dựng văn miếu là việc xây dựng trường học. Sử sách chưa nói rõ thời điểm xây dựng Quốc tử giám nhưng qua những ghi chép về việc vào năm 1076 vua Lý Nhân Tông đã lựa chọn những người có đủ trình độ vào làm việc ở Quốc tử giám⁴ cho thấy Quốc tử giám cũng được xây dựng gần như đồng thời với văn miếu.

Thời Lý- Trần nhà nước đã tổ chức thi cử để tuyển lựa người tài bổ sung nhân sự tham gia

bộ máy chính quyền cai trị. Nho giáo được dạy cho con cái hoàng tộc, quý tộc và quan lại để hoàn thiện học vấn. Nhìn chung ở thời kỳ này Nho học tuy đã có vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa, giáo dục của đất nước, song do Phật giáo còn đang chiếm vai trò to lớn trong đời sống chính trị, tôn giáo của đất nước. Thời kỳ này không chỉ có dân chúng, quý tộc, quan lại mà có cả một số ông vua cũng hướng theo Phật giáo như: Lý Thánh Tông (theo phái Thảo Đường), vua Trần Nhân Tông lập ra thiền phái Trúc Lâm. Chùa, tháp được triều đình cho xây dựng khá nhiều. Một số nhà sư còn được tham gia triều chính, được phong quốc sư như sư Khô Đầu ở triều vua Lý Nhân Tông, sư Nguyễn Minh Không triều vua Lý Thần Tông.v.v. Đến cuối thời Trần, một số nho sĩ như Lê Văn Hưu, Lê Quát, Trương Hán Siêu vốn không có thiện cảm với Phật giáo đã phải thốt lên ghen tị vì Khổng miếu chỉ được xây dựng ở Thăng Long còn tại các địa phương chỉ thấy chùa chiền, dân quá nửa làm sư⁵...

Như trên vừa nói, so với văn miếu ở kinh đô, văn miếu ở các địa phương xuất hiện muộn hơn gần 4 thế kỷ, việc lập văn miếu tại các phủ châu huyện bắt đầu từ năm 1414 do quân xâm lược nhà Minh muốn truyền bá mạnh mẽ Nho học và văn hóa Trung hoa ở nước ta⁶. Sau khi đánh đuổi



Nghi môn Văn miếu Mao Điền (Hải Dương) - Ảnh: Quốc Vũ

giặc Minh giành lại độc lập cho đất nước, ở thời Lê sơ cùng với việc Nho học ngày càng được coi trọng, tầng lớp Nho sĩ và quan lại xuất thân Nho học ngày càng nhiều. Triều đình vua quan hướng về Nho học, có những vị vua như Lê Thánh Tông có nhiều động thái đề cao Nho học. Từ thời kỳ này các khoa thi tiến sĩ được tổ chức đều đặn. Năm 1484, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia tiến sĩ ở Quốc tử giám để tôn vinh các vị đỗ đại khoa⁷. Việc chăm sóc văn miếu ở Thăng Long và các địa phương cũng được quan tâm hơn, được sử sách ghi lại. Năm 1449, vua Lê Nhân Tông quy định việc cấp phu quét dọn cho văn miếu và nhà học của các lộ, trấn⁸.

Có thể nói vua Lê Thánh Tông là người chăm lo phát triển Nho học được sử sách ghi lại nhiều nhất ở thời Lê sơ, ngoài việc cho dựng bia tiến sĩ, ông còn quy định việc tế và đổi tượng tế ở văn miếu trấn, lộ vào năm 1465. Qua qui định ở năm này chúng ta biết văn miếu ở các trấn, lộ chỉ được tế mười vị hiền triết thôi,⁹ không được tế Khổng Tử. Việc tế Khổng Tử được thực hiện tại văn miếu ở kinh đô.

Cũng ở đời vua Lê Thánh Tông văn miếu ở kinh thành Thăng Long cũng được xây dựng mở mang vào các năm 1482¹⁰ và năm 1484¹¹.

Tới thời Nguyễn, kinh đô chuyển vào Huế, văn miếu và Quốc tử giám cũng được xây dựng mới. Ngay sau khi giành được ngôi báu, nhà Nguyễn đã cho lập văn miếu tại các dinh trấn vào năm Gia Long 2 (1803)¹². Đến năm Minh Mệnh thứ 19 triều đình đã quy định thống nhất kiểu mẫu văn miếu ở các địa phương¹³.

Đối với việc tôn vinh Nho học, song song với việc xây dựng các văn miếu ở kinh đô và các dinh, trấn (tỉnh, thành) ở nhiều địa phương có truyền thống hiếu học, nhiều người đỗ đạt đã dựng lên văn chỉ, văn từ¹⁴, đền nghè, ghi tên/thờ phụng những người học hành đỗ đạt, nhằm đề cao việc học hành tại các địa phương.

Trong gần 10 thế kỷ các văn miếu, văn chỉ, từ chỉ, đền thờ cùng hệ thống Quốc tử giám, trường học tại kinh đô và các địa phương được dựng lên tạo thành một hệ thống thiết chế giáo dục, khoa cử của cả nước. Hệ thống văn miếu ở nước ta dựng lên không chỉ nhằm tôn vinh Nho giáo mà còn khuyến khích tinh thần học tập vươn lên noi chung. Chính vì vậy, người Việt thích nói văn miếu hơn là Khổng miếu/văn thánh, và Văn miếu- Quốc tử giám giờ đây là

một thuật ngữ chứ không chỉ đề cập riêng đến văn miếu hay Khổng miếu.

Kể từ khoa thi Hán học cuối cùng ở Trung kỳ năm 1919, phong trào quốc học thắng thế, chữ quốc ngữ thay thế chữ Hán đến nay gần một thế kỷ. Các trường học theo lối mới ra đời, ngày càng phổ cập trên khắp đất nước cả về quy mô, phạm vi phân bố, nội dung học tập và đối tượng học tập giảng dạy. Cùng với sự thay đổi về hệ thống giáo dục, chiến tranh kéo dài đã làm cho các di tích Nho học nhanh chóng bị lãng quên, tàn phá.

Theo thống kê đến thời Nguyễn cả nước có 28 văn miếu ở kinh đô và các tỉnh thành, dinh trấn¹⁵. Sau năm 1975 hầu hết các văn miếu/văn thánh/Khổng miếu đã bị xuống cấp, nhiều văn miếu đã bị mất hẳn trong thời gian chiến tranh. Hệ thống trường học, trường thi hầu như không còn dấu vết, kể cả Quốc tử giám ở kinh đô Huế cũng bị rỡ đưa về trong đại nội để làm Di luân đường (nay là Bảo tàng Lịch sử cách mạng Thừa Thiên- Huế). Văn miếu Huế chỉ còn hai dãy bia tiến sĩ đứng trên lưng rùa và một nhà bia, các kiến trúc khác đã mất hết dấu vết trên mặt đất.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, hòa bình, các di sản của đất nước, trong đó có các di tích Nho giáo được quan tâm nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị. Đặc biệt từ khi đất nước đổi mới, mở cửa, văn hóa dân tộc và các di sản văn hóa được chấn hưng. Trong đà phát triển chung đó, nhiều di tích Nho giáo đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia và được đầu tư tu bổ, tôn tạo bằng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia Chống xuống cấp và tôn tạo di tích của Chính phủ. Các di tích nho học lớn như: Văn miếu - Quốc tử giám Hà Nội, Văn miếu- Di luân Đường ở Huế đều đã được đầu tư trùng tu, phục hồi. Các văn miếu hàng tỉnh như: văn miếu Mao Điền (Hải Dương), văn miếu Xích Đằng (Hưng Yên), văn miếu Bắc Ninh, văn thánh Diên Khánh (Khánh Hòa), văn thánh Trần Biên (Biên Hòa), văn thánh Vĩnh Long và những văn miếu, văn thánh khác ở một số địa phương như: văn thánh - Khổng miếu Tam Kỳ, văn thánh miếu Bình Định, văn thánh Cẩm Phô (số 16 đường Hùng Vương) và văn thánh Minh Hương (số 16 đường Phan Châu Trinh) đều thuộc thành phố Hội An- Quảng Nam cũng đã được trùng tu, tôn tạo. Song song với việc xếp

hang tu bổ Văn miếu- Quốc tử giám, một số di tích thờ tự các bậc danh Nho của Việt Nam cũng được xếp hạng di tích cấp quốc gia và được trùng tu như di tích Chu Văn An (Hà Nội và Hải Dương), Nguyễn Thị Duệ (Hải Dương), Đỗ Chiểu (Bến Tre)...

Trong quá trình nghiên cứu, xếp hạng và trùng tu các di tích Nho giáo, không ít hội thảo khoa-học đã được tổ chức, các ấn phẩm tuyên truyền giới thiệu về các di tích Nho học được ấn hành. Một số khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ nghiên cứu về di tích Nho học đã được bảo vệ thành công. Công tác quản lý các di tích Nho học cũng đã được tăng cường, củng cố. Một số di tích như Văn miếu- Quốc tử giám Hà Nội đã thành lập Trung tâm hoạt động văn hóa khoa học Văn miếu - Quốc tử giám, văn miếu Huế nằm trong Danh mục di sản thế giới, là bộ phận của Quần thể di tích kiến trúc Huế, dưới sự quản lý trực tiếp của Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. Một số văn miếu giờ đây ngoài những yếu tố truyền thống đã bổ sung thêm những yếu tố mới. Nếu như vào thời Lý, văn miếu Hà Nội chỉ thờ riêng Khổng Tử như lời tâu của Tô Hiến Thành, đến đời vua Trần Nghệ Tông đã cho Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình tòng tự. Về quy mô xây dựng cũng được bổ sung mở mang vào đời vua Lê Thánh Tông và thời Nguyễn lại cho xây thêm điện Khải Thánh để thờ cha mẹ Khổng Tử. Nay điện Khải Thánh không còn, thay vào đó là một công trình xây dựng lớn thờ một số vị vua có công với sự nghiệp Nho học của nước nhà. Văn miếu tại địa phương trước đây chỉ thờ mười vị hiền triết thì nay một số nơi sau khi trùng tu đã đưa thêm những nhân vật lịch sử của Việt Nam như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn.

Hoạt động tại các văn miếu ngày nay ngoài việc thờ phụng những nhân vật nêu trên nhằm cổ súy việc học hành/khuyến học vào các dịp lễ, tết, khai giảng bế giảng năm học. Một số văn miếu còn tổ chức các hoạt động văn hóa xã hội khác như: triển lãm thư pháp, hội họa; trưng bày các tác phẩm văn hóa, hội thi; trình diễn văn hóa phi vật thể, thơ ca, ngành nghề thủ công truyền thống; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; nơi tôn vinh truyền thống hiếu học, tuyên dương các sinh viên, học sinh tiêu biểu; trao giải thưởng văn hóa, sáng tạo. Như

vậy, di tích Nho học không chỉ là nơi tham quan, du lịch mà đã trở thành một địa chỉ văn hóa, mở rộng cửa cho các hoạt động văn hóa xã hội của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Qua những hoạt động đó, các di tích Nho học hòa nhập ngày càng tốt hơn vào cuộc sống, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới mở cửa, hội nhập.

Do ý nghĩa của các di tích Nho học ngày càng được đề cao nên một số di tích đã nhận được sự tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội cho công tác bảo tồn, trùng tu. Không ít địa phương tiếp tục đề nghị phục hồi văn miếu tại địa phương như: Sơn Tây, Vĩnh Yên, Nghệ An.

Tuy đạt được một số kết quả như trên, nhưng hệ thống các di tích Nho học vẫn đang đứng trước những thách thức lớn. Số lượng di tích Nho học bị hư hỏng và phá hủy lớn hơn nhiều so với số di tích hiện còn, một số văn miếu đã biến dạng, hoặc hư hại nhiều, số khác thì đã mất hẳn không thể phục hồi.

Từ khi hệ thống giáo dục thay đổi kéo theo tám lý hướng theo cái mới, nền giáo dục Nho học không còn được quan tâm, do đó các di tích của loại hình giáo dục này cũng bị coi nhẹ. Các di tích Nho học vốn đã rất ít so với các loại hình di tích chùa, đình, đền, lại càng bị mai một. Những di tích Nho học hiện nay được trùng tu, tôn tạo, tùy theo vị trí và quy mô di tích hoạt động cũng không đồng đều. Có thể nói, trong hệ thống các di tích Nho học còn lại đến ngày nay, Văn miếu- Quốc tử giám Hà Nội là nơi có tổ chức bộ máy ổn định, tương xứng với yêu cầu của di tích, có nhiều hoạt động hơn cả, còn các di tích khác hoạt động chưa tương xứng với giá trị của di tích. Sở dĩ có tình trạng đó vì Văn miếu- Quốc tử giám Hà Nội nằm ở vị trí thuận lợi, quy mô kiến trúc còn tương đối đầy đủ. Mặt khác Văn miếu- Quốc tử giám Hà Nội nhận được sự quan tâm sâu sắc, nhiều mặt của lãnh đạo các cấp từ trung ương, Hà Nội và cộng đồng trên khắp đất nước. Nơi đây đã trở thành một địa chỉ du lịch quan trọng ở thủ đô, là nơi viếng thăm của nhiều nhà lãnh đạo, nguyên thủ các quốc gia khi đến thăm Hà Nội. Nơi diễn ra nhiều hội thảo, hội nghị khoa học tầm cỡ quốc gia và quốc tế, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa khoa học và lễ hội quan trọng.

Trong khi đó, văn miếu ở các địa phương hoạt động khá chật vật, phần vì do thiếu nhân sự, kinh phí hoạt động, phương tiện làm việc, công tác tuyên truyền giới thiệu còn hạn chế. Phần vì không ít văn miếu hàng tinh do sự thay đổi về vị trí hành chính nằm ở nơi hẻo lánh, rất khó lôi cuốn khách thăm, không thuận tiện cho các hoạt động phát huy giá trị. Một số di tích khác chưa được chính quyền địa phương quan tâm đúng mức nên vẫn trong tình trạng hoang tàn, đổ nát, bị lấn át về không gian, bị xuống cấp và chuyển đổi chức năng sử dụng. Những hạn chế đó là những thách thức lớn đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống các di tích Nho học trong tình hình hiện nay.

Trước những việc đã làm được, để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích Nho học ở nước ta thời gian qua và những khó khăn thách thức đã và đang đặt ra cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị các di tích này. Chúng tôi nghĩ rằng, trong thời gian tới, để các di tích Nho học ở nước ta khởi sắc hơn, cần nghiên cứu sơ kết các hoạt động bảo tồn và phát huy loại hình di tích này trong thời gian qua, đánh giá những kết quả đã đạt được, rút ra những bài học kinh nghiệm thông qua những tồn tại thiếu sót. Để việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích Nho học ở nước ta tiến bộ hơn trong thời kỳ hội nhập mạnh mẽ của đất nước hiện nay. Trước hết cần đẩy mạnh tuyên truyền về tác dụng của hệ thống di tích Nho học trong việc tôn vinh truyền thống hiếu học nhằm nâng cao/thay đổi nhận thức của cộng đồng đối với hệ thống di tích này. Đề cao công tác giáo dục/hệ thống giáo dục của đất nước trong quá khứ cũng là đề cao đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Song song với những hoạt động nhằm chuyển biến nhận thức của xã hội đối với hệ thống di tích Nho giáo là việc tăng cường công tác quản lý đối với các di tích Nho giáo. Muốn công tác quản lý di tích Nho học đạt chất lượng, cần chú trọng lựa chọn các cán bộ có năng lực, được đào tạo về Hán văn, am hiểu Nho giáo và nghiệp vụ bảo vệ di sản. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu sưu tầm hiện vật Nho học. Hiện nay ở các di tích Nho học ngoài các hạng mục kiến trúc được trùng tu, hiện vật liên quan đến việc dạy học và thờ cúng trong các di tích Nho giáo khá nghèo nàn, đó cũng là một nguyên nhân làm cho các di tích này thiếu sức hấp dẫn. Vì

vậy, cần ưu tiên cho công tác nghiên cứu sưu tầm các hiện vật tại các cơ sở liên quan đến khoa cử, học hành và gia đình có truyền thống khoa cử để bổ sung trưng bày, giới thiệu tại hệ thống di tích Nho học.

Đầu tư kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, tuyên truyền và bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích. Đối với các di tích đã được đầu tư tu bổ tôn tạo cần đa dạng hóa các hoạt động, mở cửa di tích tạo sự thu hút đối với cộng đồng để các di tích Nho học không chỉ là nơi tôn vinh Nho giáo mà là nơi tôn vinh việc học tập giáo dục và là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội thiết thực tại địa phương. Các di tích Nho học không nên bó hẹp hoạt động của mình, những nơi này cần phát huy lợi thế về không gian, địa điểm để trở thành nơi hoạt động xã hội, tạo điều kiện cho việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa xã hội như: họp hội khuyến học, thi thư pháp, phát động phong trào học tập, thi đua, trưng bày giới thiệu các sản phẩm văn hóa địa phương, nơi truyền dạy và trình diễn các loại hình nghệ thuật và các hoạt động văn hóa phi vật thể khác... Tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội đến với các di tích Nho học.

Đồng thời cần tạo sự liên kết giữa các di tích Nho học với nhau và liên kết giữa các di tích Nho học và các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trong tỉnh, vùng và cả nước, trao đổi học tập kinh nghiệm bảo tồn và phát huy giá trị giữa các di sản.

Tạo sự liên kết giữa các di sản Nho học và các tổ chức cá nhân để tìm kiếm sự tài trợ và đa dạng hóa hoạt động ở di sản. Hiện nay Chính phủ đang triển khai phong trào: “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, đây là cơ hội để gắn các trường học, các cơ sở đào tạo tại địa phương với các hoạt động của các di tích Nho học. Đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá hình ảnh các di tích Nho học bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng, Internet.v.v. nên đưa các di tích Nho học vào tuyến tham quan du lịch tại các địa phương để tạo điều kiện khuyến khích hoạt động của hệ thống di tích này.

Mở rộng hợp tác quốc tế với các nước có nền giáo dục theo Nho học bằng các hình thức hợp tác song phương hoặc đa phương, trực tiếp giữa các di tích với nhau hoặc thông qua các tổ



chức quan phương khác để trao đổi kinh nghiệm, tài liệu, đào tạo cán bộ, hỗ trợ trang thiết bị kỹ thuật, hỗ trợ công tác nghiên cứu về Nho giáo và Nho học nhằm bảo tồn và phát huy giá trị loại hình di tích này ngày càng hiệu quả hơn.

Nhân dân ta có truyền thống hiếu học, ai cũng quan tâm đến việc học hành, thành đạt của con cái. Ngày nay tuy chúng ta đã chuyển đổi hệ thống giáo dục, nhưng tinh thần đề cao việc học vì tinh thần "học để ấm vào thân" vẫn còn nguyên giá trị trong quan niệm xã hội ta hiện nay. Trong thời kỳ đổi mới, hội nhập, việc học tập lại càng rộn ràng, sôi nổi, hối hả, các di tích về học tập giáo dục nói chung, Nho học nói riêng ngày càng được xã hội quan tâm, coi đó là chỗ dựa tinh thần cho việc học hành tấn tới, là nơi răn mình của những người theo đòi nghiệp bút nghiên, đó cũng là cơ hội để các di tích Nho học ở nước ta phát huy vai trò của mình trong xã hội đương đại. Hy vọng rằng, những người làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di tích Nho học nói riêng nắm bắt tốt thời cơ để các di tích Nho học ngày càng có vị thế và hòa nhập tốt trong cuộc sống hôm nay.

N.Q.H

Chú thích:

1- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.108:

"Canh Tuất, Thiên Vũ năm thứ 2 (1070), Mùa thu, tháng 8, làm Văn miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phổi, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây.

2- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.143:

"Bính Tý, năm thứ 17 (1156), dựng miếu Khổng tử".

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Viện sử học, Nxb. Giáo dục- HN- 1998, tr.171:

"Lập miếu thờ Khổng Tử. Hồi đầu đời Lý, Văn miếu thờ chung cả Chu Công và Khổng Tử; đến đây, Tô Hiến Thành xin lập miếu riêng để thờ Khổng Tử, nhà vua y nghe theo lời: lập miếu Khổng Tử ở phía Nam thành Thăng Long."

3- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.145:

"Tân Mão, năm thứ 9 (1171). Mùa xuân, tháng 2, điện Vĩnh Nguyên vô cớ tự rung động. Lập miếu

Nguyễn Quốc Hùng: Bảo tồn và phát huy...

điện thờ Văn Tuyên Vương và điện thờ Hậu Thủ."

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Viện sử học, Nxb. Giáo dục- HN- 1998, tr.174:

"Tháng 2, mùa xuân. Sửa lại miếu thờ Khổng Tử. Miếu làm từ năm Đại Định thứ 17 (1156); đến đây, sửa lại".

4- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.111:

Năm 1076 đời vua Lý Nhân Tông: "Chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám".

5- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr. 81:

Lê Văn Hưu viết: "Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xá tắc chưa lập mà trước đã dựng tam chúa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lô và độ cho làm tăng hơn nghìn người ở Kinh sư, thế thì tiêu phí của cải sức lực vào việc thổ mộc không biết chừng nào mà kể. Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm thay, há chẳng phải là vét máu mỡ của dân ư? Vét máu mỡ của dân có thể gọi là làm việc phúc chăng? Bậc vua sáng nghiệp, tự mình cần kiệm, còn lò cho con cháu xa xỉ lười biếng, thế mà Thái Tổ để phép lại như thế, chả trách đời sau xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa đá, điện thờ Phật, lộng lẫy thân thể, đổi lối mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích, dân chúng quá nửa làm sư sai, trong nước chỗ nào cũng chùa chiền, nguồn gốc há chẳng phải từ đấy?"

- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.264:

"...Bấy giờ nho thần Lê Quát cũng muốn làm sáng đạo thánh hiền, gạt bỏ dị đoan, nhưng rút cuộc vẫn không thực hiện được. Ông từng làm bài văn bia chùa Thiệu Phúc, thôn Báu ở Bắc Giang như sau: "Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động tới con người, sao mà được người ta tin theo sâu sắc và bền vững như thế? Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dẫu đến hết tiền của cũng không sỉn tiếc. Nếu ngày nay gởi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoán ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thể thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu dài chiếm đến nửa phần so với với dân cư, Đạo Phật hưng thịnh rất dẽ mà được rất mực tôn sùng. Ta thuở trẻ đọc sách, để tâm khảo xét xưa nay, cũng hiểu sơ sơ đạo của thánh nhân để giáo

hóa dân chúng mà rõt cuộc vẫn chưa được một hương tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, vết chân trên khắp nửa thiền hạ, đi tìm những "Học cung", "Văn miếu" mà chưa hề thấy một ngôi nào! Đó là điều khiến ta vô cùng hổ thẹn với bọn tín đồ nhà Phật. Bèn viết ra đây để tỏ lòng ta".

6- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.322:

Năm 1414 "Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh truyền bảng cho các phủ, châu, huyện dựng văn miếu và các đài thờ thần xã tắc, thần gió, thần mây, thần núi, thần sông và những thần không ai thờ cúng để tế lễ thường xuyên".

7- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.499:

Năm 1484, "Hồng Đức 15. Lê Thánh Tông, ngày 15, dựng bia có bài kỵ ghi tên các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 vua Thái Tông triều ta đến nay. Vua cho là từ năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông đến giờ, việc dựng bia, đề tên tiến sĩ các khoa vẫn chưa làm được, sai Lê bộ thượng thư Quách Đình Bảo biên rõ họ tên, thứ bậc các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông, khoa Mậu Thìn năm Thái Hòa thứ 6 triều Nhân Tông, khoa Quý Mùi năm Quang Thuận thứ 4, khoa Bính Tuất năm thứ 7, khoa Kỷ Sửu năm thứ 10, khoa Nhâm Thìn năm Hồng Đức thứ 3, khoa Ất Mùi năm thứ 6, khoa Mậu Tuất năm thứ 9, khoa Tân Sửu năm thứ 12 đến khoa Giáp Thìn năm nay, khắc vào bia đá."

8- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, tr.417:

Vua Lê Nhân Tông: "Tháng 5, cấp phu quét dọn cho văn miếu và nhà học của các lộ, trấn, mỗi nơi 20 người, mỗi giáo thụ được 2 người phu để làm thường bỗng. Đó là theo lời của Khoái lộ An phủ sứ Nguyễn Hữu Phu."

9- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.440:

Năm 1465, đời vua Lê Thánh Tông: "Định lệ tế văn miếu ở các trấn, lộ vào hai ngày định của mùa xuân và mùa thu. Chỉ tế mười vị hiền triết thôi đó là theo lời tâu của Nguyễn Đinh Mỹ."

10- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.495:

Lê Thánh Tông, năm 1482 "Làm điện Đại Thành, đồng vu, tây vu ở văn miếu cùng điện Canh Phục, kho chứa ván in, kho chứa đồ tế lễ, Đông Tây đường nhà Minh Luân."

11- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký*

toàn thư, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1993, chế bản điện tử, tr.500:

Lê Thánh Tông, năm 1484: "Làm điện Đại Thành ở Văn miếu cùng nhà Đồng vu, Tây vu, điện Canh phục, kho chứa ván in và đồ tế lễ, nhà Minh luân, giảng đường Đông Tây, nhà bia Đông Tây, phòng học của sinh viên ba xá, và các cửa, xung quanh xây tường bao".

12- Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lật*, Viện KHXHVN, Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.439:

"Năm Gia Long thứ 2(1803) chuẩn tâu: các dinh trấn mỗi hạt một tòa văn miếu, hàng năm xuân - thu hai kỳ tế. Dinh trấn chuẩn phát tiền công sắm đủ lễ phẩm đến tế".

13- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I, Viện KHXHVN, Viện Sử học, Nguyễn Ngọc Tỉnh (phiên dịch), Đào Duy Anh Hiệu đính), Nxb. Giáo dục- Hà Nội, 2004, tr.306:

"Năm Mậu tuất, Minh Mệnh thứ 19 (1838) định lại kiểu mẫu văn miếu ở các địa phương. Kiểu cũ: nhà vuông hai tòa, mỗi tòa một gian hai chái; đổi làm hai dãy nhà hai bên tả hữu, mỗi tòa đều 5 gian xây bằng tường gạch để bày các vị phụng thờ".

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I. Viện KHXHVN, Viện Sử học, Nguyễn Ngọc Tỉnh (phiên dịch), Đào Duy Anh Hiệu đính), Nxb. Giáo dục- Hà Nội, 2004, tr.725:

"Gia Long năm thứ 7 (1808) sai lẽ bộ bàn định quy thức văn miếu ở các thành dinh trấn. Qui chế miếu thì chính đường 3 gian 4 chái, tiền đường 5 gian 2 chái, phía hữu dựng đền Khải thánh 3 gian 2 chái. Phòng nhà cửa biến ngạch, bài vị, đồ thờ cho đến nghi tiết, tế tự, đều chép làm giáp lệnh để ban hành".

14 - Bệ gạch lộ thiên là Văn chỉ, có mái che là Văn tú.

15- 28 văn miếu là: Hà Nội (1070), Huế (1692), và văn miếu các tỉnh: Biên Hòa (1715), Bắc Ninh (sửa 1802), Quảng Nam (1802), Bình Định (1802), Nghệ An (1803), Thanh Hóa (1805), Quảng Yên (1805), Cao Bằng (1809), Lạng Sơn (sửa 1809), Quảng Ngãi (1817), Quảng Bình (1818), Nam Định (1821), Hải Dương (1823), Gia Định (1824), Tuyên Quang (1825), Bình Thuận (1826), Hưng Hóa (sửa 1830), Thái Nguyên (1832), Hưng Yên (1839), Ninh Bình (1839), Khánh Hòa (1846), Sơn Tây (1847), Vĩnh Long (1864- 1866), và văn miếu các Đạo Quảng Trị (1802), đạo Phú Yên (1802), đạo Hà Tĩnh (1833).